

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG



**Địa chỉ: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội**

Điện thoại: 043 5624709/10

Fax: 043 5624711

Website: www.halcom.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Hà Nội, tháng 7 năm 2016

Số: 01/BC-TGD/HALCOM

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
NĂM 2015**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101143879
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 043 5624709/10
- Số fax: 043 5624711
- Website: www.halcom.vn
- Mã cổ phiếu: HID

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1 Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM) là Công ty TNHH Nước và Môi trường Đường Thành (W&E Ltd) được thành lập ngày 02/07/2001. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là Tư vấn cấp thoát nước và môi trường – xã hội.

Năm 2002, Công ty bắt đầu tham gia dự án vay vốn Ngân hàng thế giới (WB). Năm 2003, lần đầu tiên Công ty hợp tác quốc tế với công ty Soil and Water (Phần Lan) và chuyên gia tư vấn độc lập Douglas Martin (Úc) ký 2 hợp đồng lập Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và Báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIA) cho bốn thành phố: Hải Phòng, Nam Định, Cần Thơ và Hồ Chí Minh thuộc

dự án VUUP vay vốn WB. Chính từ 2 hợp đồng này, Công ty đã thể hiện được năng lực và thái độ nghiêm túc với 4 Ban quản lý ở 4 tỉnh, thành trên và mở rộng hoạt động, ký kết thêm nhiều hợp đồng tư vấn khác cho cả 4 BQL này, đó là các hợp đồng về giám sát xây dựng, hợp đồng lập báo cáo khả thi và thiết kế chi tiết nâng cấp hạ tầng các khu đô thị, hợp đồng giám sát RAP/EIA v.v...

Năm 2004, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-TL).

Năm 2006, Công ty liên danh với Công ty Carlbro (Đan Mạch) và thắng gói thầu quản lý và giám sát cho Dự án thoát nước 1B, giai đoạn 2, thành phố Hải Phòng. Ngân sách dành cho gói thầu 2 triệu USD là vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Phần Lan thông qua WB.

Cũng trong năm 2006, lần đầu tiên Công ty đứng đầu liên doanh bao gồm Hannu Vikman Consulting (Phần Lan), PricewaterhouseCoopers (Bi), Mediconsult và Công ty tư vấn giao thông đô thị Hải Phòng (HP-TCCIC) thắng thầu gói thầu Quốc tế do Đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam tuyển chọn. Đó là hợp đồng tư vấn cho Chương trình tín dụng ưu đãi Việt Nam do Chính phủ Phần Lan tài trợ.

Năm 2007, cùng với công ty Angkasa của Malaysia, Công ty tham gia thắng thầu Lập báo cáo khả thi và thiết kế chi tiết nâng cấp đô thị lưu vực ngoài Tân hóa – Lò Gốm, dự án thành phần 5&6, thuộc dự án Nâng cấp đô thị thành phố Hồ Chí Minh, vay vốn WB.

Ngày 02/07/2007, để phù hợp với tiến trình phát triển và định hướng kinh doanh, Công ty đã chuyển đổi thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Thăng Long (Infra-Thanglong) với vốn điều lệ là 7 tỷ đồng, sau tăng lên 11 tỷ đồng rồi 25 tỷ đồng.

Năm 2009, Công ty bắt đầu mở rộng hoạt động sang lĩnh vực Đầu Tư Nước. Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 22 tỷ đồng, sau tăng lên 44 tỷ đồng, trong đó Công ty sở hữu 90%. Dự án Nước Thuận Thành chính thức được khởi công xây dựng vào năm 2009, và chính thức cung cấp nước sạch cho thị trấn Hồ, các xã lân cận và khu công nghiệp thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh từ tháng 11/2011. Nhà máy nước Thuận Thành được đầu tư xây dựng theo hình thức BOO. Công suất giai đoạn I đến 2015 là 5.500m³/ ngày đêm. Hiện Công ty đang được tiếp tục đầu tư để mở rộng cấp nước cho các xã Gia Đông, Nguyệt Đức, Song Liễu, Ngũ Thái, huyện Thuận Thành (Bắc Ninh)... với kế hoạch nâng công suất lên 12.000 m³/ ngày đêm, hoàn thành tháng 8/2016.

Ngày 07/10/2013, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu Tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM) với mục đích tái cơ cấu tổ chức, nhấn mạnh

vào 2 ngành nghề kinh doanh là Tư vấn và Đầu tư, phù hợp hơn với chiến lược kinh doanh của Công ty. Công ty cũng bắt đầu thực hiện Chương trình tuân thủ gọi tắt là CCP, ký với Ngân hàng thế giới. Công ty tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2013 -2014, Công ty hoàn thành việc nâng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng.

Năm 2015, để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã nâng tổng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng để triển khai các dự án sau: Giai đoạn 2 Nhà máy Nước Thuận Thành, Bắc Ninh, Nhà máy Nước Hưng Long, Hưng yên, dự án sản xuất gạch Lương Sơn, Hòa Bình. Ngoài ra Công ty còn góp vốn đầu tư vào các công ty khác để thực hiện các dự án BOT về giao thông và xử lý nước thải tại Cần thơ, đang tiếp tục phát triển dự án BOT nước thải Uông Bí, Quảng Ninh v.v...

2.2 Các sự kiện khác:

Với những thành tựu đã đạt được trong suốt nhiều năm hình thành và phát triển, Công ty đã vinh dự được nhận nhiều giải thưởng:



Giải thưởng Thương hiệu hàng đầu Việt Nam-Top Brands 2014 do Viện Nghiên cứu Kinh tế (Việt Nam), Liên minh Thương mại Global GTA-Global Trade Alliance (vương quốc Anh) phối hợp xét duyệt và trao tặng.

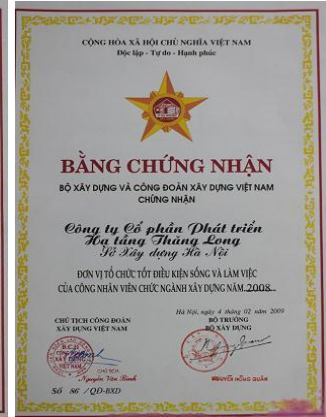
Danh hiệu Top 100 thương hiệu tiêu biểu ngành xây dựng năm 2011 do Báo Xây dựng Danh hiệu Top 50 nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam đánh giá và bình chọn năm 2011



Thành viên chính thức của Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) năm 2008



Một trong 50 doanh nghiệp tiêu biểu năm 2006 do Báo Thanh Niên bình chọn cùng với hai tổ chức nhân sự quốc tế là Tập đoàn NAVIGOS và ACNIELSEN



Năm 2013, danh hiệu Tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc cho người lao động 3 năm liền do Bộ trưởng Bộ Xây dựng trao tặng.

3. Ngành nghề kinh doanh

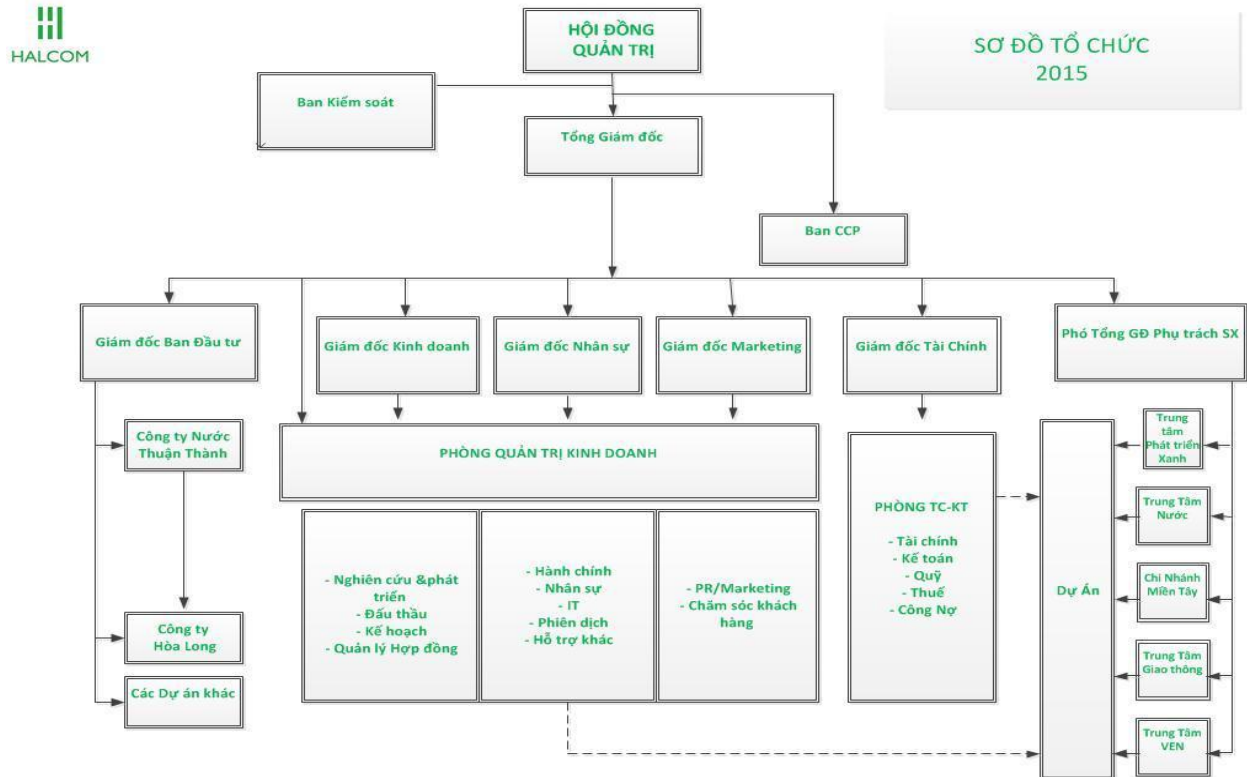
- Tư vấn Cơ sở hạ tầng:
 - ✓ Khảo sát, quy hoạch, thiết kế, quản lý dự án và giám sát thi công các công trình hạ tầng đô thị và nông thôn
 - ✓ Lập báo cáo và giám sát thực hiện các chính sách an toàn về môi trường và xã hội
 - ✓ Truyền thông, tăng cường năng lực và nâng cao nhận thức cộng đồng
- Đầu tư:
 - ✓ Dự án cấp nước
 - ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng
- Bán hàng và xây dựng

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc,

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3 Các công ty con, công ty liên kết.

- Các công ty con:

Tên công ty	Giấy phép ĐKKD	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Vốn góp của Halcom	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp cam kết
Công ty cổ phần Nước Thuận Thành	2300307123	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước; cho thuê xe; xây dựng; xây dựng công trình công ích, dân dụng	44 tỷ đồng	40 tỷ đồng	90,9%	90,9%
Công ty cổ phần Hòa Long	5400351481	Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch tuynel, cát, đá; Vận tải hàng hóa, Tư vấn đầu tư, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	10 tỷ đồng	9,3 tỷ đồng	93%	93%

- Các công ty liên kết:

Không có

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Từ 2016-2020, Halcom đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân doanh thu 30% năm và lợi nhuận trước thuế đạt 10-15% doanh thu. Trong lĩnh vực tư vấn, Halcom đặt mục tiêu đứng trong top 5 doanh nghiệp tư vấn ODA lớn nhất Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu này, Halcom đã làm việc với các đối tác có uy tín để xây dựng chiến lược kinh doanh hoàn chỉnh vào tháng 8/2015. Trong đó, Halcom tập trung các kế hoạch hành động sau:

Một là, tích cực tham gia M&A một số thương hiệu nhà nước mạnh trong lĩnh vực tư vấn mà nhà nước đang có chủ trương thoái vốn. Những công ty Halcom nhắm đến là những công ty có lịch sử hình thành và phát triển đã tham gia tư vấn những dự án có quy mô siêu lớn trong lĩnh vực cấp nước, xử lý nước thải, thủy điện, khu đô thị, giao thông. Với năng lực đấu thầu mạnh các dự án ODA cộng với việc sở hữu những thương hiệu lớn có uy tín là lợi thế rất lớn để Halcom thắng thầu những gói thầu lớn trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng tại Việt Nam và các nước trong khu vực.

Hai là, nhận thức được xu thế của lĩnh vực ODA là ngày càng minh bạch và đề cao tính hiệu quả, Halcom đã tiên phong trong việc áp dụng chương trình tuân thủ doanh nghiệp (CCP) theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới, hoàn chỉnh quy trình quy trình đào tạo cán bộ, chuyên gia, quy trình đấu thầu, quản lý hợp đồng, quản lý tài chính dự án và kiểm toán dự án theo tiêu chuẩn Ngân hàng thế giới. Bên cạnh đó, Halcom đã làm việc và mời chuyên gia pháp lý của ngân hàng thế giới cộng tác với công ty trong vai trò Cố vấn pháp lý. Đây là bước đi quan trọng giúp nâng tầm công ty, xây dựng thương hiệu gắn với chất lượng, rút ngắn khoảng cách với các công ty tư vấn quốc tế.

Ba là, công ty tập trung xây dựng thương hiệu Halcom gắn với chất lượng. Để làm điều này, Halcom đã áp dụng quy trình tuyển dụng nhân sự theo tiêu chuẩn Ngân hàng thế giới (CCP) để tuyển chọn nhân sự, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý dự án có trình độ cao, hầu hết được đào tạo tại nước ngoài. Xây dựng đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên có kinh nghiệm đến từ nhiều quốc gia và được kiểm tra, sát hạch kỹ lưỡng. Halcom đã ban hành và áp dụng quy trình quản lý hợp đồng theo tiêu chuẩn ngân hàng thế giới, đảm bảo các sản phẩm báo cáo được kiểm duyệt và ra soát chất lượng một cách chặt chẽ trước khi nộp cho Chủ đầu tư đúng hạn. Bên cạnh đó, để tăng tính minh bạch và tăng cường khả năng quản trị doanh nghiệp, Halcom đang làm việc để mời ngài Hannu Vikman - Giám đốc kỹ thuật Chương trình dự án nước Phần Lan vào Hội đồng quản trị. Cụ thể, bà Jacqueline M.Beckett – Luật sư người Mỹ vào vị trí Cố vấn tuân thủ và pháp lý, Ông Olli Keski Saari- Giám đốc dự án Công ty Econet, công ty hàng đầu về lĩnh vực cung cấp nước tại Phần Lan vào vị trí Cố vấn kỹ thuật.

Bốn là, Halcom tiếp tục tập trung vào phân khúc khách hàng chính là khách hàng khối ODA, bao gồm ODA đa phương (ngân hàng thế giới, ngân hàng châu Á) và ODA song phương (Hàn Quốc, Nhật Bản, Phần Lan, EU, Mỹ). Nâng cao năng lực đấu thầu bằng cách phát triển thương hiệu gắn chất lượng và minh bạch, đồng thời phát triển năng lực của đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước. Trong thời gian tới, với xu thế xã hội hóa mạnh trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng tại Việt Nam, Halcom sẽ tìm hiểu và mở rộng có chọn lọc mạng lưới khách hàng sang khối tư nhân, gồm FDI và trong nước để mở rộng thị trường.

Trong lĩnh vực đầu tư, Halcom tập trung chủ yếu các dự án cấp nước. Halcom tập trung phát triển mạnh các nhà máy cấp nước có quy mô trên 15.000 m³/ngày đêm dọc theo trục Hà Nội – Hưng Yên – Bắc Ninh - Hải Dương – Hải Phòng – Quảng Ninh, để đón đầu sự phát triển của các khu công nghiệp trên địa bàn và các khu đô thị. Halcom đặt mục tiêu đến năm 2020, tổng công suất cấp nước đạt 200.000 m³/ngày đêm. Để chuẩn bị nguồn lực cho phát triển dự án, Halcom dự kiến thu hút nguồn vốn tài chính từ nhiều nguồn: Hợp tác đầu tư cùng các nhà đầu tư nước ngoài (Sam Sung, CMIT-Hàn Quốc, Econet-Phần Lan), các quỹ đầu tư trong nước, các công ty cung cấp thiết bị nước ngoài (Nagaoka –Nhật Bản), và tham gia các thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Tận dụng lợi thế 15 năm trong lĩnh vực tư vấn ODA, đặc biệt lĩnh vực cấp nước, Halcom đã tuyển dụng nhiều chuyên gia giỏi trong dự án lớn như dự án Chương trình nước Phần Lan, dự án phát triển toàn diện kinh tế Việt Trì, Hưng Yên, Lạng Sơn để làm việc trong các nhà máy cấp nước của Công ty. Quy trình quản lý về thất thoát nước cũng được xây dựng và áp dụng đồng nhất trong các nhà máy nước của Halcom đảm bảo tỷ lệ thất thoát nước dưới 12%.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Bên cạnh việc tự xây dựng các nhà máy, Halcom đang tích cực đàm phán mua lại cổ phần của các nhà máy cấp nước mà Nhà nước đang có chủ trương thoái vốn để tiến hành tái cơ cấu, đầu tư thêm máy móc tiên tiến để gia tăng công suất và vận hành hiệu quả.

Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Tiếp tục duy trì mảng đầu tư của HALCOM tập trung vào các dự án cơ sở hạ tầng, đặc biệt cung cấp nước, xử lý nước thải.

Tiếp tục đầu tư cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

6.1 Quản lý rủi ro tỷ giá

HALCOM hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn và đầu tư cơ sở hạ tầng tại Việt Nam, ký hợp đồng chủ yếu bằng tiền USD nên vấn đề rủi ro tỷ giá hối đoái được Công ty lưu ý phân tích và chủ động có biện pháp đối phó với những biến

động tỷ giá hối đoái có thể xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.2 Quản lý rủi ro lãi suất

Tính đến thời điểm 31/03/2016, nợ phải trả của Công ty là 99,7 tỷ đồng tương đương với 23,16% tổng nguồn vốn, trong đó nợ vay ngân hàng là 26,5 tỷ đồng (Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/03/2016). Vì vậy, sự biến động của lãi suất không ảnh hưởng nghiêm trọng đến chi phí tài chính cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.3 Quản lý rủi ro về luật pháp

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

6.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014 có hiệu lực ngày 01/02/2015 đã có những tác động trực tiếp và gián tiếp đối với thị trường chứng khoán. Điều 14 thông tư 36 quy định, tín dụng cho vay đầu tư cổ phiếu không được vượt quá 5% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (giảm từ mức 20%) và các tổ chức tín dụng chỉ được cho vay đầu tư chứng khoán khi đáp ứng được đầy đủ tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Những quy định mới này đã ảnh hưởng đến nguồn cung tiền của thị trường chứng khoán, hoạt động giao dịch ký quỹ của các Công ty Chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư lo ngại, dẫn đến thị trường mất thanh khoản ảnh hưởng tới toàn mã chứng khoán đang giao dịch và các công ty chuẩn bị niêm yết lên sàn.

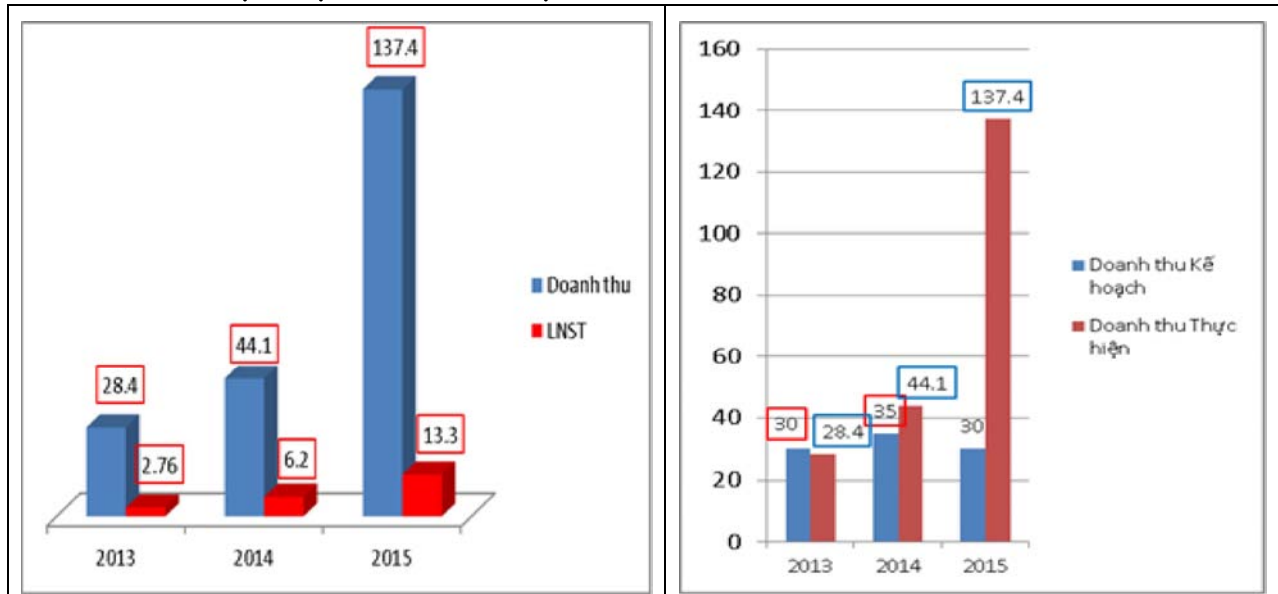
II. Tình hình hoạt động trong năm 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm theo báo cáo tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng/Giảm
1. Tổng tài sản	136.380	432.088	216,8%
2. Tổng Nguồn vốn chủ sở hữu	66.602	330.760	396,6%
3. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh:	45.705	165.178	261,4%
3.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.482	27.350	- 35,62%
3.2 Doanh thu kinh doanh nước sinh hoạt	3.223	2.841	-11,85%
3.3 Doanh thu bán vật tư		134.987	
4. Lợi nhuận sau thuế	10.199	18.168	78,1%
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	22,3%	11%	
6. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng vốn chủ sở hữu	15,3%	5,5%	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch



Phân tích số liệu chung:

- 1.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn được xác định theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ, đã phát hành hóa đơn, được khách hàng chấp nhận thanh toán và tiền đã chuyển về tài khoản công ty.
- 1.2 Doanh thu thương mại là 116,9 tỷ đồng.
- 1.3 Năm 2015, hầu hết các hợp đồng dịch vụ tư vấn đã kết thúc chỉ còn 1 số hợp đồng dài hạn đang triển khai tiếp tục nên doanh thu tư vấn có phần suy giảm nhưng bù lại các hoạt động kinh doanh thương mại và hoạt động đầu tư đã mang lại nguồn thu tương đối tốt

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

1. Ông Nguyễn Quang Huân - Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Việt Dũng - Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Lê Thành Đồng - Kế toán trưởng

❖ Nguyễn Quang Huân - Tổng Giám đốc

Họ tên	NGUYỄN QUANG HUÂN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/12/1964
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam

Địa chỉ thường trú	Số 1, ngách 6/14 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
CMND	034 064 0000 29 cấp ngày 29/08/2013 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và QLQG
Điện thoại liên hệ	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Quản trị kinh doanh, Chứng chỉ sau đại học về Quản lý ngành Nước và Môi trường, Kỹ sư Chế tạo máy
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
- 10/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long, đổi tên từ Công ty Infra – Thăng Long
- 6/2013 — 9/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-ThangLong)
- 07/2007 – 5/2013	Tổng Giám đốc Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long
- 08/2004 – 06/2007	Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-TL), đổi tên từ W&E Ltd
- 07/2001 – 7/2004	Phó Giám đốc Công ty TNHH Nước và Môi trường Đường Thành (W&E Ltd.)
- 04/2000 – 06/2001	Chuyên gia tư vấn - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)
- 7/1988 – 4/2000	Điều phối viên, trưởng nhóm thiết kế một số dự án cấp nước/Kỹ sư cơ khí - Công ty Cấp nước Hải Phòng
- 1/1988 – 6/1988	Kỹ sư cơ khí - Nhà máy cơ khí Việt Đức, Hải Phòng, Việt Nam
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	4.415.076 cổ phiếu, chiếm 14,72 % vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	4.415.076 cổ phiếu, chiếm 14,72 % vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	867.000 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Phụ cấp dành cho Chủ tịch HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ **Nguyễn Việt Dũng - Phó Tổng Giám đốc:**

Họ tên	NGUYỄN VIỆT DŨNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/06/1971
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	P102 A9 TT Kim Giang, Thanh Xuân HN
CMND	012055850, cấp ngày 12/10/2008 tại CA Hà Nội
Điện thoại	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ QTKD
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT công ty CP Nước Thuận Thành
- 07/2015 đến nay	<i>Thành viên HĐQT Công ty CP Nước Thuận Thành, Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)</i>
- 05/2014 đến nay	<i>Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long(HALCOM)</i>
- 05/2013 - 04/2014	<i>Trợ lý Tổng Giám đốc- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)</i>
- 2011 – 2013	<i>Trưởng phòng kế hoạch - Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)</i>
- 06/2010 -2011	<i>Giám đốc Trung tâm Đào tạo và tăng cường năng lực – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-Thanglong)</i>
- 08/2003–05/2010	<i>Cán bộ Chương trình cao cấp – Plan Việt Nam</i>

- 1997 – 07/2003 Cán bộ Chương trình- Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 13.458 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 13.458 cổ phiếu, chiếm 0.04% vốn điều lệ

- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Lê Thành Đồng – Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính

Họ tên **LÊ THÀNH ĐỒNG**

Giới tính Nam

Ngày tháng năm sinh 19/01/1981

Nơi sinh Hà Tĩnh

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú Số nhà 346 Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

CMND 183069163, cấp ngày 10/12/2011 tại CA Hà Tĩnh

Điện thoại 04 35624709

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Tài chính

Chức vụ hiện nay Kế Toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

Quá trình công tác

- 7/2014 đến nay *Kê toán trưởng - Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)*
- 08/2009 – 7/2014 *Giám đốc Tài chính - Công ty Vinhconship – Chi nhánh Hà Nội*
- 2006 – 2008 *Kế toán Công ty TNHH Konishi*
- 2002 – 2006 *Kế toán Công ty TNHH Toa*

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 500.000 cổ phiếu, chiếm 1,67% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 500.000 cổ phiếu, chiếm 1,67% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành năm 2015

Không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/03/2016 là 120 người.

Bảng 1: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm tháng 03/2016

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo giới tính	120	100,00
Nam	66	55,00
Nữ	54	45,00
II. Phân loại theo trình độ	120	100,00
Cán bộ có trình độ trên đại học	24	20,00
Cán bộ có trình độ đại học	80	66,67
Cán bộ có trình độ cao đẳng	11	9,17
Cán bộ có trình độ trung cấp, sơ cấp	5	4,17
Cán bộ có trình độ phổ thông	-	-
III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	120	100,00
Cán bộ quản lý	20	16,67
Chuyên viên	30	25,00
Cộng tác viên	65	54,17
Lao động trực tiếp	5	4,17

2.4 Chế độ chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8 h/ngày, 5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBNV làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, Lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng quy định của nhà nước. Những CBNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những CBNV có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ **Chính sách tuyển dụng**

Tháng 9 năm 2015, HALCOM với sự giúp đỡ của cán bộ Ngân hàng thế giới đã ban hành Quy trình tuyển dụng cán bộ, chuyên gia trong nước và quốc tế gồm 13 bước:

- Bước 1: Hoạch định nhu cầu tuyển dụng;
- Bước 2: Đề xuất tuyển dụng;
- Bước 3: Lập kế hoạch tuyển dụng;
- Bước 4: Phê duyệt;
- Bước 5: Thông báo và đăng tin tuyển dụng;
- Bước 6: Sàng lọc hồ sơ & lập danh sách;
- Bước 7: Kiểm tra nghiệp vụ chuyên môn;
- Bước 8: Phỏng vấn ứng viên;
- Bước 9: Xác minh CV và lựa chọn ứng viên;
- Bước 10: Chuẩn bị đón nhân viên thử việc;
- Bước 11: Chào mừng nhân viên mới, đào tạo hội nhập;
- Bước 12: Đánh giá thử việc;
- Bước 13: Tiếp nhận chính thức.

Việc áp dụng chính sách tuyển dụng mời giúp công ty lựa chọn những chuyên gia hàng đầu trong nước và quốc tế trong lĩnh vực giao thông, cấp thoát nước, được các Ban quản lý dự án ODA các tỉnh đánh giá rất cao, giúp gia tăng uy tín công ty và các dự án được vận hành suôn sẻ, đúng hạn.

❖ **Chính sách đào tạo**

Mục tiêu và tiêu chí tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Nội dung và hình thức đào tạo: Hỗ trợ kinh phí đào tạo trong và ngoài nước cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Hướng tới tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật. Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

❖ **Chính sách lương thưởng và phúc lợi**

Tháng 9 năm 2015, HALCOM đã ban hành Quy chế lương thưởng công ty

với sự tư vấn của Cố vấn Người Mỹ, Bà Jacqueline. Quỹ lương thưởng của công ty bao gồm: Quỹ tiền lương cơ bản, Quỹ phụ cấp tiền lương, Quỹ lương dự phòng và phúc lợi, Quỹ tiền thưởng bao gồm: quỹ thưởng theo năng suất, quỹ khen thưởng, quỹ thưởng vượt lợi nhuận định mức. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng chính sách phúc lợi và chăm sóc chuyên gia dự án như: thưởng ngày lễ, tết, nghỉ mát, ... nhằm tạo ra sự gắn kết giữa nhân viên, chuyên gia dự án, thúc đẩy năng suất làm việc.

Bảng 2: Chính sách lương thưởng và phúc lợi của HALCOM

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tổng chi phí lương và thưởng cả năm	15.465	16.502
Số lượng lao động bình quân trong kỳ	120	120
Thu nhập bình quân mỗi tháng	10,7	11,5

(Nguồn: HALCOM)

❖ **Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên**

HALCOM đã xây dựng tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên vững mạnh trong nhiều năm qua nhận được sự đánh giá cao của Công đoàn Ngành xây dựng Hà Nội và thành đoàn Hà Nội. Công ty đã xây dựng Thỏa ước lao động tập thể trong đó chú trọng các chế độ phúc lợi chăm sóc người lao động như: nghỉ ngày thứ 7 được hưởng nguyên lương, mừng thọ bố, mẹ vợ/chồng của người lao động độ tuổi trên 70, tham quan nghỉ mát định kỳ, thưởng theo năng suất, trợ cấp khó khăn, cán bộ nhân viên được tham gia khám sức khỏe định kỳ hàng năm do công ty tài trợ, được tham gia các khóa học bồi dưỡng nâng cao kiến thức.... Đoàn thanh niên công ty được quan tâm phát triển mạnh, tổ chức Đoàn thanh niên đã tham gia nhiều hoạt động từ thiện như: tài trợ chăn bông cho bà con nghèo Xã Xín Mần, Huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang, tham gia giao hữu bóng đá, thể thao với các cơ quan Quận Đống Đa, Ban Quản lý dự án Việt trì, Hưng Yên,... tạo được sự gắn kết giữa Công ty và các khách hàng và chính quyền địa phương.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

❖ Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là 160 tỷ đồng

Đến 31/03/2016 Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long đã thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản dở dang 160 tỷ đồng. Trong đó:

- Đầu tư dự án Nhà máy Nước Hưng Long với tổng số tiền 100 tỷ đồng với mục tiêu: Cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt cho các hộ dân, và cơ sở sản xuất, đơn vị, khu công nghiệp trên địa bàn Thị trấn Lương Bằng, Xã Song Mai và các xã lân cận: Hiệp Cường, Vũ Xá, Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Đầu tư dự án Giao thông và xử lý nước thải theo tại thành phố Cần Thơ với tổng số tiền 60 tỷ đồng.

❖ Đầu tư tài chính dài hạn là 57,78 tỷ đồng

Đến 31/03/2016 Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long đã thực hiện đầu tư tài chính dài hạn 57,78 tỷ đồng. Trong đó:

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành 40 tỷ đồng tương đương tỷ lệ vốn góp chiếm 90,91%.

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Hòa Long 9,3 tỷ đồng tương đương tỷ lệ vốn góp chiếm 93%. Tại thời điểm 31/03/2016, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định pháp luật và số trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Hòa Long là: 0,63 tỷ đồng.

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư nước và Dầu khí Me Kong Việt Nam 9,11 tỷ đồng tương đương tỷ lệ vốn góp chiếm 14,02%.

❖ Trích lập Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là -0,63 tỷ đồng.

3.2 Các khoản cho vay và hợp tác đầu tư

Tổng số tiền cho vay dài hạn là: 80,16 tỷ đồng. Trong đó bao gồm:

- Cho Công ty Nước Thuận Thành vay vốn 70 tỷ đồng để đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy Nước Thuận Thành, nâng công suất lên 12.000m³/ ngày đêm.

- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Hạ Tầng THPT Việt Nam số tiền 70 tỷ đồng, lợi nhuận cố định là 2%/năm trên số tiền hợp tác đầu tư trong thời hạn 3 năm.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành

Với hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: Hoạt động cung cấp nước sạch, xây dựng, kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan đến ngành nước; bán buôn thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường. Năm 2015, Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành thực hiện cung cấp nước sạch, xây dựng và bán buôn thiết bị cấp thoát nước. Do vậy, đã góp phần tăng doanh thu cung cấp dịch vụ, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành như sau :

- Tổng Doanh thu:	30.295.564.375 đồng
Trong đó	
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.039.107.620 đồng
+ Doanh thu hoạt động tài chính	6.209.866 đồng
+ Thu nhập khác	1.250.246.889 đồng
- Tổng Chi phí	24.658.900.839 đồng
Trong đó	
+ Giá vốn	20.379.398.354 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	5.636.663.536 đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	136,38	432,09	316,83%
Doanh thu thuần	45,71	165,18	361,37%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8,26	14,55	176,15%
Lợi nhuận khác	4,02	8,86	220,4%
Lợi nhuận trước thuế	12,29	23,41	190,48%
Lợi nhuận sau thuế	10,2	18,17	178,14%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.476	742	30%

(Nguồn BTCT hợp nhất Halcom đã kiểm toán năm 2015)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,59	3,58	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	2,24	3,39	

Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	51,16	23,45	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	104,77	30,63	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	6,86	24,59	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	39,62	58,11	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	22,32	11,00	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,02	9,14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,84	6,39	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	18,08	13,41	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 30.000.000 (Bằng chữ: Ba mươi nghìn) Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm tháng 04/2016

STT	Tên cổ đông	CMTND số (hoặc Hộ chiếu số)	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Quang Huân	034064000029 – cấp 29/8/2013 tại Hà Nội	Số 1, ngách 6/14, Đội Nhân, P Vĩnh phúc, BD, HN	4.415.076	14,72
2	Phùng Ngọc Sơn	012960965 – cấp ngày 20/5/2007 tại Hà Nội	Số 3 tổ 6 P. Tân Mai, Hà Nội	1.543.512	5,15

Tổng cộng	5.958.588	19,86 %
------------------	------------------	--------------------------

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm tháng 04/2016

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số CĐ
I	Cổ đông trong nước	29.994.359	299.943.590.000	99,98	309
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	29.994.359	299.943.590.000	99,98	309
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	5.641	56.410.000	0,02	1
IV	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	Tổng cộng	30.000.000	300.000.000.000	100	310

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Trong năm, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo nghị quyết số 02-2015/NQ-ĐHCĐ/HALCOM ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long. Theo đó, các cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên thành 300.000.000.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 5.641
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm
 - + Thời điểm thực hiện giao dịch: 21/4/2015
 - + Giá giao dịch: 9.182 đồng/cổ phiếu.
 - + Đối tượng giao dịch: Nguyễn Thị Tính

e) Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm tài chính 2015, Công ty đạt 165,2 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng 261,5% so với năm tài chính 2014, lợi nhuận sau thuế đạt 18,2 tỷ đồng, tăng trưởng 78,13% so với năm tài chính 2014. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở

hữu của Công ty giảm từ 15,3% năm tài chính 2014 xuống 5,49% vào năm tài chính 2015 do trong năm Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng, nguồn vốn mới tăng đang được sử dụng để đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng dự kiến sẽ mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận tăng mạnh trong những năm tới.

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Chương trình tuân thủ doanh nghiệp CCP ký với ngân hàng thế giới được triển khai giúp kiện toàn một bước cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động chuyên nghiệp hóa, giúp tăng năng suất lao động của công ty, đảm bảo an toàn và minh bạch trong hoạt động.

+ Công ty ngoài việc chuẩn hóa các quy trình làm việc theo tiêu chuẩn của Ngân hàng thế giới còn tiến tới thuê các chuyên gia quản lý, điều hành người nước ngoài có nhiều kinh nghiệm trong quản lý dự án ODA để tăng sức cạnh tranh cho doanh nghiệp trong đấu thầu, quản lý tốt các dự án ODA lớn, và nâng cao hiệu quả quản trị chuỗi giá trị trong doanh nghiệp, tiến tới đấu thầu các dự án ODA bên ngoài Việt Nam.

+ Công ty đã đề ra được chiến lược phát triển, trong đó chú trọng vào phân khúc khách hàng vốn ODA và FDI giúp hoạt động đấu thầu, thanh quyết toán, và tài chính của công ty tập trung, hiệu quả và an toàn, không bị ứ đọng nguồn vốn và nợ xấu trong bối cảnh kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, đặc biệt khối cơ quan doanh nghiệp nhà nước.

+ Các dự án đầu tư, công ty con của Công ty đã bắt đầu cho kết quả tốt sau một thời gian triển khai hoạt động như Công ty cổ phần nước Thuận Thành, Dự án đầu tư Mỹ Đình. Các dự án tư vấn lớn của Công ty như dự án Việt Trì, Dự án nước Phần Lan, dự án Bến Lức-Long Thành, Dự án giám sát Vinh, Dự án Thị trấn Chờ bước vào giai đoạn huy động nhân sự lớn nên dòng tiền thanh toán thu về tăng lên so với những năm trước.

+ Công tác thu hồi công nợ các dự án được triển khai rất tốt đúng quy trình, dòng tiền thu hồi về tăng lên nhiều so với những năm trước

+ Công ty đã ký được nhiều hợp đồng mới trong lĩnh vực tư vấn với các nhà tài trợ, và công ty trong nước giúp mang lại nguồn doanh thu lớn.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2015 tài sản của công ty có sự biến động cụ thể tổng tài sản đầu năm là 136,38 tỷ đồng cuối năm là 432,09 tỷ đồng tăng 295,71 tỷ đồng. Sự biến động đó làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Sự biến động của tài sản là do:

Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2015 tăng lên so với năm 2014. Việc các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên là do tăng khoản phải thu ngắn hạn và khoản trả trước cho người bán để đầu tư thực hiện giai đoạn 2 Nhà máy Nước Thuận Thành, nâng công suất lên 12.000m³/ ngày đêm.

Phải thu về cho vay dài hạn năm 2015 tăng lên so với năm 2014 10,16 tỷ là do trong năm Công ty thực hiện hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần THPTD Việt Nam số tiền 10 tỷ đồng.

Trong năm 2015, Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long đã thực hiện đầu tư vào 2 dự án: Nhà máy nước Hưng Long giá trị 100 tỷ và Dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ giá trị 60 tỷ. Do đó làm tăng tài sản dở dang dài hạn.

Đầu tư tài chính dài hạn tăng 8,3 tỷ do trong năm Công ty thực hiện đầu tư góp vốn vào Công ty CP Đầu tư nước và Dầu khí Me Kong Việt Nam.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả công ty trong năm 2015 tăng so với năm 2014 chủ yếu đến từ khoản tiền nhận hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước cho dự án thị trấn Hồ và dự án xã Gia Đông của Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành. Số tiền hỗ trợ trong năm là 21,9 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2015, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Halcom tập trung các kế hoạch hành động sau:

+ Tích cực tham gia M&A một số thương hiệu nhà nước mạnh trong lĩnh vực tư vấn mà nhà nước đang có chủ trương thoái vốn.

+ Halcom đã tiên phong trong việc áp dụng chương trình tuân thủ doanh nghiệp (CCP) theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới, hoàn chỉnh quy trình quy trình đào tạo cán bộ, chuyên gia, quy trình đấu thầu, quản lý hợp đồng, quản lý tài chính dự án và kiểm toán dự án theo tiêu chuẩn Ngân hàng thế giới.

+ Công ty tập trung xây dựng thương hiệu Halcom gắn với chất lượng.

+ Halcom tiếp tục tập trung vào phân khúc khách hàng chính là khách hàng khối ODA, bao gồm ODA đa phương (ngân hàng thế giới, ngân hàng châu Á) và ODA song phương (Hàn Quốc, Nhật Bản, Phần Lan, EU, Mỹ).

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015 là năm có ý nghĩa to lớn và quan trọng, năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, năm đầu tiên của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. Theo Tổng Cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 đạt 6,68% cao nhất kể từ năm 2008. Năm 2015 cũng đánh dấu bước ngoặt lớn cho Việt Nam khi hoàn thành đàm phán hiệp định thương mại lớn TPP và EVFTA, mở ra cơ hội để Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn với các nền kinh tế phát triển ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và EU, đó cũng chính là cơ hội để HALCOM phát huy thế mạnh với chương trình tuân thủ doanh nghiệp CCP theo tiêu chuẩn liên chính của Ngân hàng Thế giới.

Với 20,5 tỷ doanh thu tư vấn của công ty mẹ trong tổng số 137 tỷ doanh thu cả Công ty, HALCOM đã có bước tiến lớn trên con đường phát triển song song với việc tập trung hoàn thiện chương trình CCP theo đúng như cam kết với Ngân hàng Thế giới (WB).

Sau đây là một số mốc chính đã thực hiện:

- Ban hành Bộ quy tắc ứng xử cùng 11 quy trình và 12 quy định nội bộ làm cơ sở thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Mời chuyên gia cao cấp phụ trách thực hiện liên chính của WB (ICO) tới kiểm tra, giám sát trực tiếp các hoạt động của Công ty;
- Đẩy mạnh các hoạt động đầu tư có nguồn vốn PPP, kết hợp thế mạnh tư vấn với đầu tư;
- Điều chỉnh chiến lược 10 năm (2015-2025);
- Hoàn thiện bản mô tả công việc và đánh giá mức độ hoàn thành công việc KPI.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm tài chính 2015, toàn công ty tập trung cho việc hoàn thiện các chính sách kiểm soát nội bộ cũng như cơ cấu lại đội ngũ nhân sự làm cơ sở hoàn thành những hoạt động cuối cùng đề nghị WB dỡ bỏ lệnh cấm đầu thầu đúng thời hạn vào tháng 3.2016. Các quy định, quy trình cốt lõi theo các nguyên tắc của chương trình tuân thủ doanh nghiệp cũng đã được xem xét cẩn trọng và đạt được sự đồng thuận cao của tất cả các CBNV trước khi ban hành.

2.1 Ban hành bộ quy tắc ứng xử và 11 quy trình, 12 quy định nội bộ

Công ty đã ban hành bộ quy tắc ứng xử và tự hào là một trong những doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam ban hành và áp dụng Bộ Quy tắc Ứng xử trong hoạt động

kinh doanh của mình. Bộ Quy tắc Ứng xử là tổng hợp của các quy trình, quy định của HALCOM, cũng như đưa ra những nguyên tắc, là kim chỉ nam cho các hoạt động kinh doanh, quan hệ với Khách hàng và Đối tác, đảm bảo cam kết kinh doanh minh bạch, hạn chế tham nhũng.

Các quy trình, quy định nội bộ được ban hành làm cơ sở hướng dẫn thực hiện trong các lĩnh vực liên quan từ quản lý hợp đồng, tài chính, đấu thầu, quản lý nhân sự...

2.2 Cơ cấu và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ

- 02 cán bộ cấp cao được cử đi học lớp trung cấp chính trị nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ trong Công ty, hiểu biết hệ thống chính trị tốt hơn để kết nối với khách hàng và chính quyền các cấp tốt hơn, qua đó phục vụ SXKD của Công ty tốt hơn.
- 02 cán bộ của Công ty Nước Thuận Thành được gửi đi đào tạo lớp quản lý doanh nghiệp dài hạn - CEO (6 tháng).
- 02 cán bộ bộ phận kinh doanh được đào tạo về đàm phán thương thảo hợp đồng.
- Thành lập Trung tâm Giao thông để dần dần tham gia các dự án thuộc lĩnh vực này, bao gồm cả tư vấn và đầu tư.
- Hoàn thiện bản mô tả công việc và áp dụng cơ chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo KPI cho các CBCC và nhân viên khối gián tiếp.
- Các nhân sự được sắp xếp đúng vị trí từng bước đi vào hoạt động ổn định.

2.3 Điều chỉnh chiến lược Công ty giai đoạn 2015-2025

Các CBCC của Công ty đã tích cực tham gia và cùng nhau thống nhất để điều chỉnh chiến lược 10 năm (2015-2025) của Công ty, trong đó xác định rõ:

- 1) Lợi thế cạnh tranh của Công ty so với đối thủ
- 2) Giá trị cốt lõi
- 3) Những mục tiêu cần đạt được hàng năm
- 4) Bộ phận chịu trách nhiệm cho từng mục tiêu

Bản điều chỉnh chiến lược lần này đã thể hiện rõ sự quyết tâm của toàn thể CBCC Công ty cũng như định rõ vị thế của HALCOM trên thị trường và trên hết đã tạo được hướng đi chung trong những năm tới.

2.4 Công tác đầu tư

Công tác đầu tư đã có những hướng mới khi căn cứ theo chiến lược điều chỉnh

2015 là chỉ tập trung vào những lĩnh vực Công ty có thế mạnh với nguồn PPP, cụ thể như sau:

2.5 Công ty Nước Thuận Thành

- Đang cấp nước cho hơn 2.500 hộ dân có nước sạch tại Thị trấn Hồ, xã Gia Đông và các vùng phụ cận, dự kiến mở rộng diện cấp nước và nâng công suất 5.000m³/ ngày, đồng thời chuyên nghiệp hóa, nâng cao chất lượng các hoạt động cấp nước tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
- Doanh thu cấp nước đạt 2,2 tỷ năm 2015.

2.6 Dự án Nhà máy Nước Hưng Long

- Đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư;
- Đang chuẩn bị các thủ tục để triển khai thi công, hướng đầu tư theo PPP.

2.7 Dự án Hòa Long

- Đang tiến hành các thủ tục chuyển nhượng cho đối tác mới.

2.8 Dự án xây dựng đường tỉnh 923 Cần Thơ

- Đã hoàn thành khảo sát thực địa để xây dựng NCKT với quy mô hơn 1.300 tỷ đồng.
- Chờ chủ trương phương án đầu tư và phê duyệt NCKT của Thành phố.

Tổng kinh phí đã đầu tư vào các Công ty con:

2.9 Công tác phát hành cổ phiếu và tăng vốn điều lệ

Năm 2015 Công ty cũng đã tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng và trở thành công ty đại chúng từ tháng 1.2016, sẽ niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh vào ngày 11.7.2016.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Doanh thu và lợi nhuận

Tiếp tục phát huy những thế mạnh, với cam kết, trách nhiệm và định hướng cụ thể, các kế hoạch được đề xuất như sau:

- (i) Doanh thu toàn công ty dự kiến đạt 350 tỷ, trong đó doanh thu tư vấn là 32 tỷ và doanh thu tài chính, đầu tư, doanh thu khác đạt 200 tỷ.
- (ii) Lợi nhuận sẽ phấn đấu đạt 15% trên tổng doanh thu tư vấn và bắt đầu thu lợi nhuận từ các dự án đầu tư, đồng thời đầu tư mới thành công ít nhất 1 dự án.

3.2. Kiện toàn công tác quản lý

3.2.1 Tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm

- Tạo cơ chế giám sát chất lượng sản phẩm đầu ra của các hợp đồng;
- Xây dựng mạng lưới đối tác mạnh, gồm cả chuyên gia tư vấn và đối tác hợp tác trong các dự án tư vấn và đầu tư nhằm tạo hình ảnh, thương hiệu HALCOM về chất lượng, tiến độ dịch vụ;
- Dẫn khảng định thương hiệu uy tín HALCOM.

3.2.2 Cải thiện cơ cấu tổ chức, quản lý

- Tăng cường năng lực bộ phận đấu thầu, MKT và Liêm chính;
- Tạo cơ chế giám sát chất lượng thực hiện các gói thầu dịch vụ, trong đó có các danh mục để kiểm tra, đánh giá khi cần thiết;
- Thúc đẩy các dự án đầu tư lớn theo hình thức PPP mà có sự phối hợp giữa kinh nghiệm về lĩnh vực tư vấn và đầu tư.

3.2.3 Tăng cường văn hóa Công ty

- Áp dụng văn hóa sáng tạo cùng với văn hóa thị trường.

3.2.4 Chương trình Tuân thủ doanh nghiệp (CCP)

- Đẩy mạnh thực hiện các quy trình đã xây dựng theo hướng minh bạch;
- Áp dụng những quy định về CCP trong các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Áp dụng và có giải pháp lan tỏa mô hình CCP ra bên ngoài Công ty, đặc biệt các đối tác và nhân sự hợp tác với Công ty.

3.3 Thúc đẩy các dự án đầu tư

- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư cấp nước tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Hưng Yên;
- Thúc đẩy dự án đầu tư đường 923 tại thành phố Cần thơ
- Tìm hiểu các dự án cơ sở hạ tầng tại Hà Nội.
- Tìm kiếm, lựa chọn và xúc tiến đầu tư các dự án phù hợp với năng lực công ty.

3.4 Công tác phát hành cổ phiếu và tăng vốn điều lệ

- Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015 là 5%; dự kiến năm 2016 là 5%.

Dự kiến tăng vốn vào thời điểm thích hợp (sẽ xin ý kiến cổ đông) để thúc đẩy hoạt động đầu tư những dự án có khả năng mang lại lợi nhuận cao trong lĩnh vực cấp

nước, giao thông và cơ sở hạ tầng.

3.5. Phát triển nguồn nhân lực

- Mở rộng mạng lưới đội ngũ CTV theo từng lĩnh vực, từng vùng miền đáp ứng các lĩnh vực về tư vấn và đầu tư;
- Tăng cường năng lực cho đội ngũ quản lý và bổ sung đội ngũ kế cận đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong dài hạn. Xây dựng nhóm các nhân sự cốt lõi làm tiền đề phát triển lâu dài;
- Hoàn thiện các bản năng lực cốt lõi chuẩn cho từng vị trí, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển nhân lực cho Công ty tạo lợi thế cạnh tranh;
- Tiếp tục nâng cao kỹ năng làm việc cho CBNV và dần tiến tới khoán chi phí cho tất cả các bước của chuỗi giá trị tạo động lực làm việc và nâng cao hiệu suất làm việc.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Số CMND	Năm sinh	Chức vụ
1	Nguyễn Quang Huân	034064000029	20/12/1964	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Đình Khai	010996839	13/03/1939	Thành viên HĐQT
3	Phùng Ngọc Sơn	012960965	17/11/1977	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Văn Lâm	012875230	09/8/1966	Thành viên HĐQT
5	Đoàn Ngọc Hiếu	031396626	21/01/1987	Thành viên HĐQT

❖ Nguyễn Quang Huân – Chủ tịch HĐQT

Họ tên	NGUYỄN QUANG HUÂN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/12/1964
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 1, ngách 6/14 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
CMND	034 064 0000 29 cấp ngày 29/08/2013 tại Cục cảnh

	sát ĐKQL cư trú và QLQG 04 35624709
Điện thoại liên hệ	
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Quản trị kinh doanh, Chứng chỉ sau đại học về Quản lý ngành Nước và Môi trường, Kỹ sư Chế tạo máy
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
- 10/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long, đổi tên từ Công ty Infra – Thăng Long
- 6/2013 — 9/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-ThangLong)
- 07/2007 – 5/2013	Tổng Giám đốc Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long
- 08/2004 – 06/2007	Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-TL), đổi tên từ W&E Ltd
- 07/2001 – 7/2004	Phó Giám đốc Công ty TNHH Nước và Môi trường Đường Thành (W&E Ltd.)
- 04/2000 – 06/2001	Chuyên gia tư vấn - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)
- 7/1988 – 4/2000	Điều phối viên, trưởng nhóm thiết kế một số dự án cấp nước/Kỹ sư cơ khí - Công ty Cấp nước Hải Phòng
- 1/1988 – 6/1988	Kỹ sư cơ khí - Nhà máy cơ khí Việt Đức, Hải Phòng, Việt Nam
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	4.415.076 cổ phiếu, chiếm 14,72 % vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	4.415.076 cổ phiếu, chiếm 14,72 % vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	867.000 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận	Phụ cấp dành cho Chủ tịch HĐQT

được từ Công ty
Lợi ích liên quan đối với Không
Công ty

❖ Ông Trần Đình Khai - Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên	TRẦN ĐÌNH KHAI
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	13/03/1939
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	43 Ngõ 26, Đông Tác, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội
CMND	010996839 cấp ngày 14/06/2007 tại CA. TP Hà Nội
Điện thoại	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Phó Giáo sư ngành Cấp thoát nước Phó tiến sỹ khoa học kỹ thuật, Trường Đại học Xây dựng Leningrat, 1978 Kỹ sư Cấp thoát nước, Trường Đại học Xây dựng Kiev, 1965
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Cố vấn cấp cao/Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cao cấp (Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra Thanglong))
Quá trình công tác	
- 2013 đến nay	<i>Thành viên HĐQT/ Cố vấn cao cấp/ Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cao cấp – Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)</i>
- 2010 – 2013	<i>Cố vấn cấp cao/Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cao cấp – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra Thanglong)</i>
- 2007 - 2010	<i>Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cấp cao - Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-Thanglong)</i>
- 11/2004 – 6/2007	<i>Phó chủ tịch Hội đồng thành viên, Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường cấp cao - Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long (Infra-TL), đổi tên từ W&E Ltd</i>
- 7/2001 – 10/2004	<i>Giám đốc Công ty TNHH Nước và Môi trường Đường Thành (W&E Ltd.)</i>

- 1985 - 2001 Chuyên gia cấp thoát nước, môi trường - Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 130.600 cổ phiếu, chiếm 0,44% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 130.600 cổ phiếu, chiếm 0,44 % vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Phụ cấp dành cho thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Phùng Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên **PHÙNG NGỌC SƠN**

Giới tính Nam

Ngày tháng năm sinh 17/11/1977

Nơi sinh Hà Nội

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú Số 3, Tổ 6, Phường Tân Mai, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

CMND 012960965 cấp ngày 20/5/2007 tại Hà Nội

Điện thoại 04 35624709

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay Ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long, Giám đốc Ban Đầu tư.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Chủ tịch HĐQT Công ty Nước Thuận Thành

Quá trình công tác

- 2013 đến nay Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Nước Thuận Thành, Giám đốc Ban đầu tư tại Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long
- 2008 – 2013 Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán – Công ty CP Phát triển Hạ Tầng Thăng Long
- 2006 - 2008 Phó Phòng kế toán tại Newway – Tổng Công ty Vận

	<i>tại Hà Nội- UBND TP Hà Nội</i>
- 2004 – 2006	<i>Kế toán trưởng tại Công ty học liệu giáo dục – Nhà xuất bản giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>
- 2003 -2004	<i>Kế toán tại Công ty Xây dựng trường học - Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>
- 2000 - 2003	<i>Thư ký tại Dự án Phát triển Giáo dục Tiểu học–Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	1.543.512 cổ phiếu, chiếm 5,15 % vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	1.543.512 cổ phiếu, chiếm 5,15 % vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	490.000 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty	Phụ cấp dành cho thành viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
❖ Ông Nguyễn Văn Lâm - Thành viên HĐQT	
Họ tên	NGUYỄN VĂN LÂM
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/8/1966
Nơi sinh	Thụy Duyên – Thái Thụy – Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Hải Bối – Đông Anh – Hà Nội
CMND	012875230 cấp ngày 27/4/2006 tại Công an Hà Nội
Điện thoại	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư máy – Đại học GTVT
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng phòng Thiết bị Công ty CP Cầu 3 Thăng Long
Quá trình công tác	
- 2015 đến nay	<i>Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long</i>

- 2010 đến nay *Trưởng phòng Thiết bị Công ty CP Cầu 3 Thăng Long*
- 2006 – 2010 *Phó phòng Thiết bị Công ty CP Cầu 3 Thăng Long*
- 2000 – 2005 *Đội trưởng Đội Máy đặc chủng Công ty Cầu 3 Thăng Long*
- 1994 – 2000 *Kỹ sư Phòng Cơ điện Công ty Cầu 3 Thăng Long*

Hành vi vi phạm pháp luật *Không*
 Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân* *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Được ủy quyền đại diện* *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan *Không*

Các khoản nợ đối với Công ty *Không*

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty *Phụ cấp dành cho thành viên HĐQT*

Lợi ích liên quan đối với Công ty *Không*

❖ Ông Đoàn Ngọc Hiếu – Thành viên HĐQT

Họ tên **ĐOÀN NGỌC HIẾU**
 Giới tính *Nam*
 Ngày tháng năm sinh *21/01/1987*
 Nơi sinh *Số 9, Ngõ 53, Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng*
 Quốc tịch *Việt Nam*
 Địa chỉ thường trú *Số 9, Ngõ 53, Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng*
 CMND *031396626 cấp ngày 23/6/2008 tại CA. Hải Phòng*
 Điện thoại *04 35624709*
 Trình độ chuyên môn *Kỹ sư Cầu đường*
 Chức vụ hiện nay *Thành viên HĐQT*
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác *Kỹ sư tại Công ty Cổ Phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải*
 Quá trình công tác
 - 2015 đến nay *Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Tư vấn*

- 2012 đến nay *Hà Long*
Kỹ sư tại Công ty Cổ Phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải
- 2011 - 2002 *Kỹ sư tại SMEC Việt Nam*

Hành vi vi phạm pháp luật *Không*
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*

Trong đó:

- *Sở hữu cá nhân* *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Được ủy quyền đại diện* *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan *Không*

Các khoản nợ đối với Công ty *Không*

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty *Phụ cấp dành cho thành viên HĐQT*

Lợi ích liên quan đối với Công ty *Không*

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long theo Nội dung Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ công ty. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ.

Việc giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty thông qua Hội đồng quản trị.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	10/3/2015	Phê duyệt Kế hoạch doanh thu/ngân sách năm tài chính 2015; Sơ đồ tổ chức mới giai đoạn 2015-2017; Thay thế vị trí thư ký HĐQT

2	Số 02-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	16/05/2015	Biểu dương tinh thần làm việc của CBNV công ty; Phê duyệt phân chia Quỹ lương, thưởng năm tài chính 2014
3	Số 03-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	22/05/2015	Thông qua tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư và danh sách nhà đầu tư dự kiến
4	Số 04-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	27/05/2015	Đề cử ông Nguyễn Việt Dũng tham gia HĐQT công ty CP nước Thuận Thành; Giao các cá nhân đại diện vốn góp của HALCOM sang công ty CP Nước Thuận Thành
5	Số 05-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	11/06/2015	Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị bổ sung số thành viên theo quy định
6	Số 06-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	11/7/2015	Tăng lương và giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Việt Dũng – Phó TGD
7	Số 07-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	21/08/2015	Thành lập Trung tâm giao thông
8	Số 08-2015/QĐ-HĐQT/HALCOM	17/09/2015	Đổi tên vị trí Chuyên gia Đạo đức thành Giám đốc Liêm chính
9	Số 09-2015/QĐ-HĐQT/HALCOM	7/10/2015	Ban hành Bản mô tả công việc; Quy trình đánh giá KPI và Tiêu chí đánh giá 04 vị trí do HĐQT bổ nhiệm gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính/KTT và Giám đốc liêm chính
10	Số 10-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	12/10/2015	Thông qua việc triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Đường tỉnh 923 và Dự án Đường và Cầu qua Cù lao Tân lộc tại Thành phố Cần Thơ theo hình thức PPP
11	Số 11-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	17/10/2015	Điều chỉnh quyền đại diện vốn chủ sở hữu của công ty HALCOM tại các công ty thành viên
12	Số 12-2015/QĐ-HĐQT/HALCOM	17/10/2015	Ban hành Chiến lược phát triển công ty 2015-2015
13	Số 13-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	14/11/2015	Cam kết thực hiện Chương trình Tuân thủ doanh nghiệp (CCP)

14	Số 14-2015/NQ-HĐQT/HALCOM	01/03/2016	Phê duyệt Kế hoạch doanh thu/ngân sách năm tài chính 2015`
----	---------------------------	------------	--

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 03 thành viên độc lập là ông Trần Đình Khai - Phó Giáo sư ngành Cấp thoát nước, Ông Nguyễn Văn Lâm - Trưởng phòng Thiết bị Công ty CP Cầu 3 Thăng Long, Ông Đoàn Ngọc Hiếu – Kỹ sư Cầu đường là những người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý và điều hành các Công ty Cổ phần, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực cấp thoát nước, cầu đường. Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Số CMND	Năm sinh	Chức danh
1	Trần Thị Lan	013339595	07/08/1974	Trưởng BKS
2	Trần Bắc Mỹ	151523119	07/11/1985	Thành viên BKS
3	Nguyễn Quang Trọng	151398494	05/6/1981	Thành viên BKS

❖ Trưởng Ban kiểm soát: Bà Trần Thị Lan

Họ tên	TRẦN THỊ LAN
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/08/1974
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Tổ 10, Phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
CMND	013339595 cấp ngày 20/10/2010 tại Hà Nội
Điện thoại	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM)
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Tài chính – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hà Nội Vàng
Quá trình công tác	
- 2009 đến nay	<i>Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long</i>

- 2011 đến nay Giám đốc Tài chính – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hà Nội Vàng
- 2010 - 2011 Kế toán trưởng – Công ty TNHH AKChemtech
- 2004 - 2010 Kế toán trưởng – Công ty CP Phát triển Hạ tầng Thăng Long
- 1994 – 2004 Kế toán trưởng- Công ty TNHH Xây dựng Tiến Bình.

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 4.180 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 4,180 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác đối với Công ty Phụ cấp dành cho Trưởng BKS

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Bà Trần Bắc Mỹ - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên **Trần Bắc Mỹ**

Giới tính Nữ

Ngày tháng năm sinh 07/11/1985

Nơi sinh Thái Bình

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú Khu Thành Pháo 2, P. Phả Lại, TX. Chí Linh, Hải Dương

CMND 151523119 cấp ngày 16/5/2001 tại Thái Bình

Điện thoại 04 35624709

Trình độ chuyên môn Cử nhân Xã hội học

Chức vụ hiện nay Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

Quá trình công tác

- 2009 đến nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	0 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Phụ cấp dành cho thành viên BKS Lương và các chế độ dành cho nhân viên công ty
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Quang Trọng - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	NGUYỄN QUANG TRỌNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/6/1981
Nơi sinh	Quỳnh Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Nhà B4, Khu tập thể Nam Thành Công, P.Láng Hạ, Hà Nội
CMND	151398494 cấp ngày 14/02/2011 tại Công an Thái Bình
Điện thoại	04 35624709
Trình độ chuyên môn	Kinh tế và Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
- 2014 đến nay	<i>Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long</i>
- 2009 - 2014	<i>Trưởng phòng kinh doanh – Công ty TNHH Đầu tư thương mại Quỳnh Trang</i>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

diện

Số lượng cổ phiếu đang
nắm giữ của những người
liên quan

Không

Các khoản nợ đối với Công
ty

Không

Thù lao và lợi ích khác
nhận được từ Công ty

Phụ cấp dành cho thành viên BKS

Lợi ích liên quan đối với
Công ty

Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HDQT đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2015 của Ban lãnh đạo Công ty, tuân thủ điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty;

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2015;

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm tài chính 2015

- Tổng số tiền đã chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị là: 195.000.000 đồng

- Tổng số tiền đã chi trả thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát là: 16.800.000 đồng

- Tổng số tiền đã chi trả cho Thư ký HĐQT là: 14.000.000 đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Không)
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Không)

VI. Báo cáo tài chính

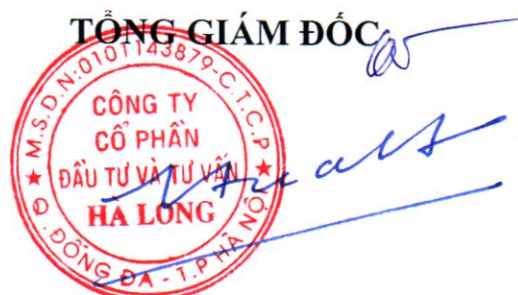
1. Ý kiến kiểm toán (trang 47)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (trang 42 đến 79)

(Chi tiết quý cổ đông có thể xem báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính Công ty hợp nhất trên Website <http://www.halcom.vn>)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHCM
- Lưu BA,FA.



Nguyễn Quang Huân



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2016



Hà Nội, tháng 04 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 37



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Phùng Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Trần Đình Khai	Ủy viên
Ông Đoàn Ngọc Hiếu	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. ✓



Nguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ **International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 27.04/2016/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 04 năm 2016, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance


4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.




Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2235-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

MẪU SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/04/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153.640.161.575	39.752.704.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.578.084.743	13.428.677.444
1. Tiền	111	V.1	2.578.084.743	13.428.677.444
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137.079.704.081	18.669.890.908
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	33.465.894.829	3.634.518.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	91.026.521.982	480.185.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.610.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	11.292.570.327	14.555.187.448
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(315.283.057)	-
III. Hàng tồn kho	140		8.074.222.627	5.359.680.236
1. Hàng tồn kho	141	V.5	8.074.222.627	5.359.680.236
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.908.150.124	2.294.455.441
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	829.928.133	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.078.221.991	2.291.521.475
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	2.933.966
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		278.448.512.843	96.627.983.271
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.159.444.444	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.7	10.159.444.444	-
II. Tài sản cố định	220		96.120.788.220	92.815.109.319
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	89.280.884.770	85.690.649.023
- Nguyên giá	222		94.893.813.959	88.040.244.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.612.929.189)	(2.349.595.938)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	6.839.903.450	7.124.460.296
- Nguyên giá	228		7.398.478.000	7.398.478.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(558.574.550)	(274.017.704)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		161.824.047.223	1.824.047.223
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	161.824.047.223	1.824.047.223
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.969.000.000	1.497.111.202
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	9.969.000.000	1.497.111.202
V. Tài sản dài hạn khác	260		375.232.956	491.715.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	75.232.956	191.715.527
2. Tài sản dài hạn khác	268		300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		432.088.674.418	136.380.687.300

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

MÃ SỐ B 01- DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/04/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		101.327.968.164	69.778.552.653
I. Nợ ngắn hạn	310		42.975.448.614	15.332.663.933
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5.657.633.185	2.150.934.334
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.013.166.180	2.337.307.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.141.273.010	5.548.706.363
4. Phải trả người lao động	314		462.494.391	781.201.319
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.157.646.925	118.615.099
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	566.452.912	645.899.104
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	23.868.356.720	3.750.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.425.291	-
II. Nợ dài hạn	330		58.352.519.550	54.445.888.720
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	55.741.408.550	34.246.421.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	2.611.111.000	20.199.467.720
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		330.760.706.254	66.602.134.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	330.760.706.254	66.602.134.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	54.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	54.550.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		636.587.297	567.097.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(51.798.297)	(832.308.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.462.410.602	1.462.410.602
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.471.559.136	7.006.481.741
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.697.144.067	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.774.415.069	7.006.481.741
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.241.947.516	3.848.453.304
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		432.088.674.418	136.380.687.300

Lê Anh Tuấn
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2016

Lê Thành Đông
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

MẪU SỐ B 02 - DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	165.178.082.357	45.705.597.446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		165.178.082.357	45.705.597.446
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	143.030.148.753	26.421.308.673
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.147.933.604	19.284.288.773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.804.336.286	187.323.504
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.204.800.317	1.979.725.364
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.137.035.793	1.746.285.539
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.195.635.667	9.228.601.215
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.551.833.906	8.263.285.698
10. Thu nhập khác	31	VI.5	9.043.425.560	4.033.500.488
11. Chi phí khác	32		180.421.536	9.012.892
12. Lợi nhuận khác	40		8.863.004.024	4.024.487.596
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.414.837.930	12.287.773.294
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.246.266.323	2.087.946.403
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.168.571.607	10.199.826.891
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17.774.415.069	9.848.687.175
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		394.156.538	351.139.716
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	742	2.476



Lê Anh Tuấn
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2016



Lê Thành Đồng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

MẪU SỐ B 03 - DN/HN
Đơn vị: VND

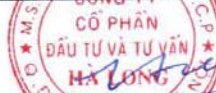
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.414.837.930	12.287.773.294
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.547.890.097	1.307.759.776
Các khoản dự phòng	03	315.283.057	(645.834.337)
Lãi, lỗ CLTG hồi đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	20.061.398	4.805.623
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.737.982.431)	(280.780.360)
Chi phí lãi vay	06	3.137.035.793	1.746.285.539
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.697.125.844	14.420.009.535
Tăng/ giảm các khoản phải thu	09	(116.955.651.786)	31.525.973.362
Tăng/ giảm hàng tồn kho	10	(5.498.308.941)	2.614.699.242
Tăng/ giảm các khoản phải trả	11	27.460.762.126	4.822.960.295
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(713.445.562)	(778.574.947)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.532.344.141)	(1.746.285.539)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.511.794.887)	(1.855.900.693)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.440.760.809
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(310.000.000)	(1.292.676.187)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(77.363.657.347)	50.150.965.877
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(166.853.568.998)	(64.084.304.421)
Thu tiền bán thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	274.343.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.769.444.444)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.114.000.000)	(260.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	642.111.202	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.578.537.987	75.531.308
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(181.516.364.253)	(63.994.430.022)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	245.519.490.297	14.550.000.000
Tiền trả lại vốn cho CSH, mua lại cổ phiếu DN đã phát hành	32	-	(657.895.413)
Tiền thu từ đi vay	33	15.080.000.000	18.489.467.720
Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.550.000.000)	(6.711.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(690.807.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	248.049.490.297	24.979.764.607
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.830.531.303)	11.136.300.462
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	13.428.677.444	2.292.376.982
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(20.061.398)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	2.578.084.743	13.428.677.444



Lê Anh Tuấn
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2016



Lê Thành Đông
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long (chuyển đổi từ công ty TNHH Phát triển Hạ Tầng Thăng Long đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2001). Hiện nay công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 08 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 30.000.000 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long có 02 công ty con. Cụ thể bao gồm:

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Nước Thuận Thành	Bắc Ninh	90,91%	Cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất, xây dựng công trình nước
2	Công ty CP Hòa Long	Hòa Bình	93,00%	Sản xuất gạch, ngói

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư và đánh giá tác động môi trường các dự án; Tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San nền đối với công trình xây dựng;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Buôn bán bất động sản; Đầu tư phát triển các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Buôn bán thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường;
- Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Xây dựng, quản lý, khai thác và cung cấp nước sạch;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan./.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tư vấn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/(lỗ) chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	04 - 10
Máy móc thiết bị	30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Riêng thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp nước sạch là 10%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
Tiền mặt	172.457.349	174.481.460
Tiền gửi ngân hàng	2.405.627.394	9.254.195.984
Tiền đang chuyển	-	4.000.000.000
Cộng	2.578.084.743	13.428.677.444

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần M.A.M Việt Nam	9.816.581.617	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	3.992.465.887	-
Công ty Cổ phần XD và TMDL Tuấn Thành Phát	9.334.416.001	-
Công ty TNHH XD và Thương Mại Xuân Minh Bảo	2.505.989.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.816.442.324	3.634.518.460
Cộng	33.465.894.829	3.634.518.460

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
Công ty CP ĐTXD Công nghệ mới Thuận Thành	8.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư EU Việt Nam	19.800.000.000	-
Công ty CP ĐTXD và thương mại Gia Đông	8.600.000.000	-
Công ty CP Đầu tư nước và Dầu khí Me Kong Việt Nam	19.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng THPTD Việt Nam	13.200.000.000	-
Công ty TNHH Cơ Khí và XD Tân Thành An	16.728.664.582	-
Khách hàng khác	4.297.857.400	480.185.000
Cộng	91.026.521.982	480.185.000

Công ty trả trước cho các nhà cung cấp thi công công trình mở rộng, nâng công suất nhà máy cấp nước sạch thị trấn Hồ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	1.741.913.900	6.037.793.950
Tạm ứng	1.981.614.886	4.825.079.511
Phải thu khác	7.569.041.541	3.692.313.987
- Công ty CP thương mại DV và Đầu tư Phú Hoà (*)	5.000.000.000	-
- Thuế GTGT đầu vào chưa có hóa đơn	1.590.688.656	-
- Phải thu tiền mua cổ phần	-	1.645.000.000
- Phải thu khác	978.352.885	2.047.313.987
Cộng	11.292.570.327	14.555.187.448

(*) Căn cứ hợp đồng số 18/2010/HĐCNCT ngày 26 tháng 06 năm 2010 và khoản 3 điều 2 phụ lục II ký ngày 5 tháng 9 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long và Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa do không hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất đúng tiến độ để giao cho Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long nên hai bên cùng thỏa thuận chấm dứt hợp đồng số 18/2010/HĐCNCT. Ngày 21 tháng 10 năm 2015, theo các điều khoản nêu trong hợp đồng, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa chấp nhận thanh toán 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

5. Hàng tồn kho

	31/03/2016		01/04/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.074.222.627	-	5.359.680.236	-
Cộng	8.074.222.627	-	5.359.680.236	-

6. Chi phí trả trước

	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	829.928.133	-
Cộng	829.928.133	-
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	75.232.956	191.715.527
Cộng	75.232.956	191.715.527

7. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 04/HDUTDT ngày 15 tháng 06 năm 2015. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Hạ tầng THPT Việt Nam số tiền 10 tỷ đồng, lợi nhuận cố định là 2%/ năm trên số tiền hợp tác đầu tư trong thời hạn 3 năm. Số tiền lãi phát sinh được thu vào cuối thời hạn của hợp đồng hợp tác đầu tư. Do đó, tại mỗi kỳ báo cáo, Công ty ghi nhận trước số tiền lãi ước tính tương ứng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 01/04/2015	85.240.194.000	2.756.093.818	43.957.143	88.040.244.961
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.853.568.998	-	-	6.853.568.998
Tại ngày 31/03/2016	92.093.762.998	2.756.093.818	43.957.143	94.893.813.959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/04/2015	899.140.712	1.406.498.083	43.957.143	2.349.595.938
Khấu hao trong năm	2.852.993.871	410.339.380	-	3.263.333.251
Tại ngày 31/03/2016	3.752.134.583	1.816.837.463	43.957.143	5.612.929.189
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/04/2015	84.341.053.288	1.349.595.735	-	85.690.649.023
Tại ngày 31/03/2016	88.341.628.415	939.256.355	-	89.280.884.770

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất của nhà máy gạch tại Lương Sơn, Hòa Bình với nguyên giá 7.398.478.000 đồng, khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 26 năm, số hao mòn lũy kế đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 558.574.550 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2016 VND	01/04/2015 VND
Chi phí xây dựng nhà máy nước Hưng Long, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (*)	60.000.000.000	-
Dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ (**)	100.000.000.000	-
Nhà máy gạch tại Lương Sơn, Hòa Bình	1.824.047.223	1.824.047.223
Cộng	161.824.047.223	1.824.047.223

(*) Hợp tác với Công ty Cổ phần Nước Hưng Long theo hợp đồng số 05/2015/HĐKT ngày 10 tháng 07 năm 2015 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà máy cung cấp nước sạch tại thị trấn Lương Bằng, xã Song Mai và khu vực lân cận huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên. Thời gian hợp tác là 50 năm.

(**) Hợp đồng Hợp tác đầu tư "Chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ", giữa liên danh gồm Công ty quản lý xây dựng & công nghệ thông tin (CMIT - Hàn Quốc) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM), đại diện liên danh là Halcom (bên A) với Công ty Cổ phần Đầu tư TPP Việt Nam (Bên B). Hai bên thống nhất hình thành liên danh thực hiện hoạt động nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi lập dự án đầu tư, đưa ra đề xuất đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ. Thời gian hợp tác là 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONGcăn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016**MAU SỐ B 09 - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2016			01/04/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư nước và Dầu khí Mekong Việt Nam	9.114.000.000	9.114.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần An Lạc Sơn	855.000.000	855.000.000	-	855.000.000	855.000.000	-
Dự án khác	-	-	-	642.111.202	642.111.202	-
Cộng	9.969.000.000	9.969.000.000	-	1.497.111.202	1.497.111.202	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long sở hữu 911.400 cổ phần trong tổng số 6.500.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư nước và Dầu khí Me Kong Việt Nam, chiếm tỷ lệ 14,02%.

- (*) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty này tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá tương ứng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/04/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/03/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.854.128.868	1.623.884.489	442.063.255	3.035.950.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.085.584.231	5.266.748.113	3.511.794.887	3.840.537.457
Thuế thu nhập cá nhân	1.608.993.264	769.729.059	2.113.936.872	264.785.451
Các loại thuế khác	-	5.895.032	5.895.032	-
Cộng	5.548.706.363	7.666.256.693	6.073.690.046	7.141.273.010

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	604.691.652	-
Trích trước chi phí dự án Lào Cai	552.955.273	-
Trích trước chi phí khác	-	118.615.099
Cộng	1.157.646.925	118.615.099

14. Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn;	70.024.111	42.742.998
- Bảo hiểm xã hội, y tế	-	245.055.361
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	496.428.801	358.100.745
Cộng	566.452.912	645.899.104
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	334.177.550	694.190.000
- NSNN hỗ trợ xây dựng nhà máy nước (*)	55.407.231.000	33.552.231.000
Cộng	55.741.408.550	34.246.421.000

(*) Theo văn bản số 894/UBND-KTTH ngày 16 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Công ty được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước là 45% tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho phần vốn đầu tư của doanh nghiệp (55% tổng dự toán của dự án được phê duyệt) trong thời gian 5 năm kể từ ngày khởi công. Hiện Công ty có 02 dự án được hỗ trợ: dự án thị trấn Hồ theo quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2011 và dự án xã Gia Đông theo quyết định 477/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2014. Nguồn vốn này sẽ được thu hồi dần theo tỷ lệ khấu hao TSCĐ quy định tại Quyết định 138/2014/QĐ-UBND ngày 07 tháng 05 năm 2014.

Hàng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016
MẪU SỐ B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2016		Trong kỳ		01/04/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân	3.880.000.000	3.880.000.000	5.080.000.000	1.200.000.000	-	-
- Nguyễn Minh Tuấn {i}	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000	-	-
- Ngô Thị Phương Quế {ii}	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Thương {iii}	1.380.000.000	1.380.000.000	1.580.000.000	200.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	19.988.356.720	19.988.356.720			3.750.000.000	3.750.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	888.889.000	888.889.000			350.000.000	350.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	19.099.467.720	19.099.467.720			3.400.000.000	3.400.000.000
Cộng	23.868.356.720	23.868.356.720	15.080.000.000	11.200.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000

- {i} Khoản vay Cá nhân Nguyễn Minh Tuấn theo hợp đồng số 31032016 ngày 31 tháng 03 năm 2016, số tiền cho vay là 2.000.000.000 đồng, lãi suất vay 10%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, ngày thanh toán lãi gốc và nợ vay là 25 tháng 04 năm 2016.
- {ii} Khoản vay Cá nhân Ngô Thị Phương Quế theo hợp đồng số 25032106 ngày 25 tháng 03 năm 2016, số tiền cho vay là 500.000.000 đồng, lãi suất vay 10%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, ngày thanh toán lãi gốc và nợ vay là ngày 06 tháng 05 năm 2016.
- {iii} Khoản vay Cá nhân Nguyễn Thị Thương theo các hợp đồng vay có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất vay 3%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016
MÀU SỐ B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2016		Trong kỳ		01/04/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND	VND	nợ VND
Vay ngân hàng, tổ chức kinh tế	22.599.467.720	22.599.467.720	-	1.350.000.000	23.949.467.720	23.949.467.720
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình {i}	19.099.467.720	19.099.467.720	-	1.000.000.000	20.099.467.720	20.099.467.720
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Ninh {ii}	3.500.000.000	3.500.000.000	-	350.000.000	3.850.000.000	3.850.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(19.988.356.720)	(19.988.356.720)	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình	(888.889.000)	(888.889.000)	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Ninh	(19.099.467.720)	(19.099.467.720)	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
Cộng	2.611.111.000	2.611.111.000	-	1.350.000.000	20.199.467.720	20.199.467.720

{i} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Ba Đình theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01.2012/HĐTD-PGD2 ngày 07 tháng 03 năm 2012 số tiền vay là 21 tỷ đồng. Thời hạn cho 60 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận tiền vay. Lãi suất vay lần đầu là 20%/năm, điều chỉnh 03 tháng/ lần, lãi trả hàng tháng. Tiền vay để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch tại Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất của bên thứ 3.
- Hợp đồng tín dụng số 06/2014-HĐTDDA/NHCT124-NTT ngày 27 tháng 11 năm 2014 với hạn mức vay là 14,74 tỷ đồng, lãi suất 10%/năm, mục đích vay dùng để đầu tư Nhà máy nước Thuận Thành. Thời hạn trả nợ là ngày 07 tháng 03 năm 2017.

{ii} Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Bắc Ninh theo hợp đồng 002/14/ĐTDA/BN ngày 16 tháng 01 năm 2014 với tổng số tiền vay là 10 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng, thời hạn rút vốn là 06 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất áp dụng theo quy định của ngân hàng, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 140% lãi suất trong hạn, trả lãi hàng tháng. Tiền vay để đầu tư xây dựng dự án " Hệ thống cấp nước sạch thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh". Tài sản đảm bảo là hợp đồng bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Bắc Ninh và tài sản hình thành trong tương lai của dự án và/ hoặc tài sản bảo lãnh của Bên thứ ba. Công ty đã giải ngân số tiền 4 tỷ đồng theo Giấy nhận nợ ngày 23 tháng 01 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016
MẪU SỐ B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	19.988.356.720	3.750.000.000
Trong năm thứ hai	2.611.111.000	20.199.467.720
Cộng	22.599.467.720	23.949.467.720
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã trình bày ở phần vay ngắn hạn)	19.988.356.720	3.750.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	2.611.111.000	20.199.467.720

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016

MÀU SỐ B 09 - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/04/2014	40.000.000.000	567.097.000	(324.646.000)	1.462.410.602	(1.043.769.978)	1.702.359.290	42.363.450.914
Vốn góp tăng trong năm	14.550.000.000	-	-	-	-	1.948.748.918	16.498.748.918
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	9.848.687.175	351.139.716	10.199.826.891
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.834.731.159)	-	(1.834.731.159)
Giảm khác	-	-	(507.662.000)	-	36.295.703	(153.794.620)	(625.160.917)
Số dư tại ngày 31/03/2015	54.550.000.000	567.097.000	(832.308.000)	1.462.410.602	7.006.481.741	3.848.453.304	66.602.134.647
Số dư tại ngày 01/04/2015	54.550.000.000	567.097.000	(832.308.000)	1.462.410.602	7.006.481.741	3.848.453.304	66.602.134.647
Vốn góp tăng trong năm (*)	245.450.000.000	69.490.297	-	-	-	-	245.519.490.297
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	17.774.415.069	394.156.538	18.168.571.607
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(310.000.000)	-	(310.000.000)
Thay đổi lợi ích các bên do tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	-	-	-	-	662.326	(662.326)	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	780.509.703	-	-	-	780.509.703
Số dư tại ngày 31/03/2016	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	24.471.559.136	4.241.947.516	330.760.706.254

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo nghị quyết số 02-2015/NQ-ĐHCD/HALCOM ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long. Theo đó, các cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 54.550.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/03/2016	01/04/2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	5.455.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	5.455.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	5.641	90.641
- Cổ phiếu phổ thông	5.641	90.641
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.994.359	5.364.359
- Cổ phiếu phổ thông	29.994.359	5.364.359
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận hoạt động là bộ phận cung cấp nước sạch, bộ phận bán vật tư và bộ phận cung cấp các dịch vụ.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016
MẪU SỐ B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bảng cân đối kế toán bộ phận

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

	Hoạt động cung cấp nước sạch VND	Hoạt động bán vật tư VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	177.611.883.162	15.730.857.790	22.210.908.716	215.553.649.668
Tài sản không phân bổ	-	-	-	216.535.024.750
Tổng tài sản				432.088.674.418
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	82.764.647.842	3.875.333.805	-	86.639.981.647
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	14.687.986.517
Tổng nợ phải trả				101.327.968.164

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 04 năm 2015

	Hoạt động cung cấp nước sạch VND	Hoạt động bán vật tư VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	87.245.729.894	-	9.894.551.154	97.140.281.048
Tài sản không phân bổ	-	-	-	39.240.406.252
Tổng tài sản				136.380.687.300
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	60.441.715.983	-	112.762.170	60.554.478.153
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	9.224.074.500
Tổng nợ phải trả				69.778.552.653

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016
MÃ SỐ B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

	Hoạt động cung cấp nước sạch	Hoạt động bán vật tư	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.841.485.801	134.986.522.647	27.350.073.909	165.178.082.357
Tổng doanh thu	2.841.485.801	134.986.522.647	27.350.073.909	165.178.082.357
Giá vốn hàng bán và cung cấp DV	4.652.695.957	124.143.539.283	14.233.913.513	143.030.148.753
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.811.210.156)	10.842.983.364	13.116.160.396	22.147.933.604
Chi phí không phân bổ				10.195.635.667
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				11.952.297.937
Doanh thu hoạt động tài chính				5.804.336.286
Lợi nhuận khác				8.863.004.024
Chi phí tài chính				3.204.800.317
Lợi nhuận trước thuế				23.414.837.930
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				5.246.266.323
Lợi nhuận trong năm				18.168.571.607

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
 căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
 quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 03 năm 2016
MẪU SỐ B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

	Hoạt động cung cấp nước sạch	Hoạt động bán vật tư	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				-
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.223.490.631	-	42.482.106.815	45.705.597.446
Tổng doanh thu	3.223.490.631	-	42.482.106.815	45.705.597.446
Giá vốn hàng bán và cung cấp DV	2.015.853.678	-	24.405.454.995	26.421.308.673
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.207.636.953	-	18.076.651.820	19.284.288.773
Chi phí không phân bổ				9.228.601.215
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				10.055.687.558
Doanh thu hoạt động tài chính				187.323.504
Lợi nhuận khác				4.024.487.596
Chi phí tài chính				1.979.725.364
Lợi nhuận trước thuế				12.287.773.294
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				2.087.946.403
Lợi nhuận trong năm				10.199.826.891

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
 căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
 quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 03 năm 2016
MẪU SỐ B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty hoạt động tại Hà Nội, Bắc Ninh và Kiên Giang. Bộ phận kinh doanh nước sạch được thực hiện tại tỉnh Bắc Ninh, hoạt động bán vật tư được thực hiện tại thành phố Hà Nội và Bắc Ninh và hoạt động dịch vụ tư vấn được thực hiện tại thành phố Hà Nội.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thành phố Hà Nội	144.282.547.142	42.482.106.815
Tỉnh Bắc Ninh	20.895.535.215	3.223.490.631
Tỉnh Hòa Bình	-	-
Cộng	165.178.082.357	45.705.597.446

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/03/2016	01/04/2015	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND	VND	VND
Thành phố Hà Nội	288.978.569.464	33.561.245.841	-	-
Tỉnh Bắc Ninh	142.731.242.032	99.158.102.363	6.853.568.998	75.993.206.331
Tỉnh Hòa Bình	378.862.922	3.661.339.096	-	-
Cộng	432.088.674.418	136.380.687.300	6.853.568.998	75.993.206.331

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.178.082.357	45.705.597.446
Trong đó:		
Doanh thu bán vật tư	134.986.522.647	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.350.073.909	42.482.106.815
Doanh thu bán nước sinh hoạt	2.841.485.801	3.223.490.631
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.178.082.357	45.705.597.446

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn vật tư đã bán	124.143.539.283	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.233.913.513	24.405.454.995
Giá vốn bán nước sinh hoạt	4.652.695.957	2.015.853.678
Cộng	143.030.148.753	26.421.308.673

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	178.537.987	75.531.308
Lãi chuyển nhượng cổ phần	5.400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.353.855	105.968.896
Doanh thu hoạt động tài chính khác	159.444.444	5.823.300
Cộng	5.804.336.286	187.323.504

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	3.137.035.793	1.746.285.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20.061.398	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.703.126	228.634.202
Chi phí tài chính khác	-	4.805.623
Cộng	3.204.800.317	1.979.725.364

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng (*)	5.000.000.000	-
Các khoản khác	4.043.425.560	4.033.500.488
Cộng	9.043.425.560	4.033.500.488

(*) Căn cứ hợp đồng số 18/2010/HĐCNCT ngày 26 tháng 06 năm 2010 và khoản 3 điều 2 phụ lục II ký ngày 05 tháng 09 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long và Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa, do không hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất đúng tiến độ để giao cho Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long nên hai bên cùng thỏa thuận chấm dứt hợp đồng số 18/2010/HĐCNCT. Ngày 21 tháng 10 năm 2015, theo các điều khoản nêu trong hợp đồng, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa chấp nhận thanh toán 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.774.415.069	9.848.687.175
Trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	310.000.000	310.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.464.415.069	9.538.687.175
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.948.743	3.977.846
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	742	2.476

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân công	19.001.343.258	13.130.694.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.547.890.097	650.253.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.098.927.642	5.002.980.569
Chi phí khác bằng tiền	1.577.623.423	1.101.432.122
Cộng	153.225.784.420	19.885.360.942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
Các khoản vay	26.479.467.720	23.949.467.720
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.578.084.743	13.428.677.444
Nợ thuần	23.901.382.977	10.520.790.276
Vốn chủ sở hữu	330.760.706.254	66.602.134.647
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	7,23%	15,80%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2016	01/04/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.578.084.743	13.428.677.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.470.712.643	12.151.911.958
Đầu tư dài hạn	9.969.000.000	1.497.111.202
Các khoản ký quỹ	1.741.913.900	6.037.793.950
Cộng	68.759.711.286	33.115.494.554
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	26.479.467.720	23.949.467.720
Phải trả người bán và phải trả khác	61.965.494.647	37.043.254.438
Chi phí phải trả	1.157.646.925	118.615.099
Cộng	89.602.609.292	61.111.337.257

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONGcăn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MÀU SỐ B 09 - DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/03/2016			
Tiền	2.578.084.743	-	2.578.084.743
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.311.268.199	10.159.444.444	54.470.712.643
Đầu tư dài hạn	9.969.000.000	-	9.969.000.000
Các khoản ký quỹ	1.741.913.900	-	1.741.913.900
Cộng	58.600.266.842	10.159.444.444	68.759.711.286
Tại ngày 31/03/2016			
Các khoản vay	23.868.356.720	2.611.111.000	26.479.467.720
Phải trả người bán và phải trả khác	6.224.086.097	55.741.408.550	61.965.494.647
Chi phí phải trả	1.157.646.925	-	1.157.646.925
Cộng	31.250.089.742	58.352.519.550	89.602.609.292
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.350.177.100	(48.193.075.106)	(20.842.898.006)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 04 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Số trước phân loại	Số phân loại lại	Số sau phân loại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	33.714.910.079	6.037.793.950	39.752.704.029
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7.807.017.447	10.862.873.461	18.669.890.908
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.692.313.987	10.862.873.461	14.555.187.448
Tài sản ngắn hạn khác	150	7.119.534.952	(4.825.079.511)	2.294.455.441
Thuế GTGT được khấu trừ	152	2.294.455.441	(2.933.966)	2.291.521.475
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	2.933.966	2.933.966
Tài sản ngắn hạn khác	155	4.825.079.511	(4.825.079.511)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	102.665.777.221	(6.037.793.950)	96.627.983.271
Tài sản dở dang dài hạn	240	824.047.223	1.000.000.000	1.824.047.223
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	824.047.223	1.000.000.000	1.824.047.223
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.797.111.202	(5.300.000.000)	1.497.111.202
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.797.111.202	(5.300.000.000)	1.497.111.202
Tài sản dài hạn khác	260	2.229.509.477	(1.737.793.950)	491.715.527
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.191.715.527	(1.000.000.000)	191.715.527
Tài sản dài hạn khác	268	1.037.793.950	(737.793.950)	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	136.380.687.300	-	136.380.687.300

NGUỒN VỐN	Mã số	Số trước phân loại	Số phân loại lại	Số sau phân loại
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	36.226.321.653	33.552.231.000	69.778.552.653
I. Nợ ngắn hạn	310	11.582.663.933	3.750.000.000	15.332.663.933
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	3.750.000.000	3.750.000.000
Nợ dài hạn	330	24.643.657.720	29.802.231.000	54.445.888.720
Phải trả dài hạn khác	337	694.190.000	33.552.231.000	34.246.421.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.949.467.720	(3.750.000.000)	20.199.467.720
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	96.152.117.724	(29.549.983.077)	66.602.134.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	62.599.886.724	4.002.247.923	66.602.134.647
Cổ phiếu quỹ	415	(982.541.413)	150.233.413	(832.308.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	7.002.920.535	3.561.206	7.006.481.741
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	3.848.453.304	3.848.453.304
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	33.552.231.000	(33.552.231.000)	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	33.552.231.000	(33.552.231.000)	-
E. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	4.002.247.923	(4.002.247.923)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	136.380.687.300	-	136.380.687.300

